

Số: 07/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 24 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông **Lại Anh Vân**.

*Thư ký phiên họp:* Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2022/TLST-VDS ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2022/QĐST-VDS ngày 15 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh H.**

*Đại diện theo pháp luật của người yêu cầu:* Ông **Nguyễn Anh T** – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đ, huyện T.

Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Đặng Thanh H**, sinh ngày 01/01/1976 và chị **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 22/12/1986. ĐKKHKTĐ đều ở: Khu dân cư số 01, xã Đ, huyện T, tỉnh H.

Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Trong quá trình kiểm tra lý lịch và rà soát các tài liệu hồ sơ lưu giữ của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh H như: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, trích lục khai sinh thì chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/12/1986 nhưng ngày 04/12/2003 đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh Đặng Thanh H, khi đó chị L vẫn còn thiếu 19 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Do khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã, anh H và chị L đã tự khai tăng tuổi chị L thành sinh ngày 02/12/1986, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp thời điểm đó còn nể nang và chưa chính xác nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh H, chị L và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn ghi anh Đặng Thanh H, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/12/1986. Vì vậy,

việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh H và chị L nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống, các thông tin ngày tháng năm sinh trong giấy tờ tùy thân đều không khớp với nhau. Tuy nhiên, hiện tại anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L vẫn chung sống hạnh phúc, sinh được 03 con chung và không có mâu thuẫn gì từ khi kết hôn cho đến nay. Vì vậy UBND xã Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm chứng nhận kết hôn của UBND xã Đ cấp cho anh H và chị L ngày 04/12/2003). Bên cạnh đó, nếu anh H và chị L yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh H, chị L trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh H. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn (Ngày 04/12/2003), chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh H và chị L đã tự khai chị L sinh ngày 02/12/1986 (khi đó chị L vẫn còn thiếu 19 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”). Vì nguyện vọng và mong muốn của gia đình để có thể đăng ký kết hôn được hợp pháp nên vợ chồng anh chị mới khai báo với cán bộ đăng ký kết hôn của UBND xã Đ như vậy để vợ chồng anh chị có thể đăng ký kết hôn. Do việc kiểm tra của cán bộ UBND xã Đ thời điểm đó chưa đầy đủ và chính xác nên UBND xã Đ đã đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh chị tại Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01, thể hiện đăng ký kết hôn cho anh Đặng Thanh H, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/12/1986. Sau khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng anh chị về tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã sinh được 03 con chung là các cháu Đặng Thị Kim N, sinh ngày 16/12/2004; Đặng Thanh T1, sinh ngày 11/5/2007, Đặng Thị Thu H1, sinh ngày 15/4/2017. Vì vậy, vợ chồng anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Việt T2 - Chủ tịch UBND xã Đ và ông Nguyễn Bá R - Cán bộ hộ tịch xã thời điểm năm 2003 là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh H, chị L thừa nhận do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ và tin tưởng theo lời khai của anh H, chị L nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày 04/12/2003.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra

quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh H.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Thanh H, sinh ngày 01/01/1976 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/12/1986 kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là ngày **22/12/2004**.

+ Về lệ phí: Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L đều có hộ khẩu thường trú tại khu dân cư số 01, xã Đ, huyện T, tỉnh H. UBND xã Đ qua kiểm tra, rà soát đã phát hiện trường hợp anh H, chị L kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhân đăng ký kết hôn của anh H, chị L năm 2003), đồng thời trong quá trình giải quyết anh H, chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã Đ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh H, chị L đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sẽ tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của UBND xã Đ và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh H, chị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ như căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, trích lục khai sinh của chị Nguyễn Thị L đã có đủ căn cứ chứng minh chị L sinh ngày 22/12/1986. Vào ngày 04/12/2003, chị L đăng ký kết hôn với anh H nhưng vì chưa đủ tuổi nên anh chị đã tự khai tăng tuổi chị L (từ sinh ngày 22/12/1986 lên thành 02/12/1986) để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch cán bộ đăng ký kết hôn là ông Nguyễn Viết T2 - Chủ tịch UBND xã Đ và ông Nguyễn Bá R - Cán bộ hộ tịch

xã thời điểm năm 2003 đã đăng ký kết hôn cho anh H, chị L tại giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01 đã đăng ký kết hôn cho anh H, chị L và ghi anh Đặng Thanh H, sinh năm 1976 còn chị Nguyễn Thị L sinh ngày 02/12/1986. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã Đ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh H và chị L đã chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung gồm Đặng Thị Kim N, sinh ngày 16/12/2004; Đặng Thanh T1, sinh ngày 11/5/2007, Đặng Thị Thu H1, sinh ngày 15/4/2017. Quá trình chung sống, anh H và chị L không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày **22/12/2004**.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh H không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 149, 367, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh H về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Thanh H, sinh ngày 01/01/1976 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/12/1986 kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2004*)

3. Về lệ phí:

- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh H, chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0004230 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND xã Đ; anh H và chị L có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Thanh Miện;
- UBND xã Đ;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lại Anh Vân**